

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 09 – 6 – 2020  
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.  
2. Bà Nguyễn Thị Sương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1990 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1988 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp T1, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu P trình bày:*

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, anh và chị Ngô Thị H tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 21/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù, mâu thuẫn đã được gia đình động viên hòa giải, vợ chồng cố gắng điều hòa nhưng không đạt kết quả. Nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không

còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn với chị H.

- Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh và chị H có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Nhựt T2, sinh ngày 03/8/2010 do anh nuôi dưỡng từ năm 2015 đến nay. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T2 phù hợp với nguyện vọng của con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:*

Chị Ngô Thị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh P và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ly hôn và tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Ngô Thị H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H theo thủ tục chung.

[3] *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Hữu P và chị Ngô Thị H là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét trong thời gian chung sống, xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống không điều hòa được làm cho vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Anh P, chị H có thời gian sống ly thân từ năm 2015 đến nay không trở về đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của anh P. Căn cứ vào lời trình bày của anh P và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa anh P và chị H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa anh P và chị H.

[4] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:* Anh P và chị H có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Nhựt T2, sinh ngày 03/8/2010 đã trên 09

tuổi. Xét từ năm 2015 đến nay, cháu T2 do anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu T2 sau khi cha mẹ ly hôn được tiếp tục chung sống với anh P. Anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu T2 cho anh P được trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết anh P phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu P và chị Ngô Thị H.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Nhật T2, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2010 cho anh Nguyễn Hữu P được trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng của cháu T2.

2.2. Ghi nhận ý kiến của anh Nguyễn Hữu P không yêu cầu Ngô Thị H phải cấp dưỡng cho con.

2.3. Chị Ngô Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Hữu P phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N0012403 ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**5.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Nguyễn Hữu P, vắng mặt chị Ngô Thị H. Báo cho anh P có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị H vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã L: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Cao Minh Tân**